

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện nghị định số 66/HĐBT

ngày 2- 3- 1992 của hội đồng Bộ trưởng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngày 2-3-1992, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 66/HĐBT về cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 221/HĐBT ngày 23-7-1991. Căn cứ điều 21 của Nghị định 66/HĐBT, Bộ thương mại và du lịch hướng dẫn việc thực hiện trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ như sau:

I. VỀ PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Kinh doanh thương mại và dịch vụ thuộc phạm vi áp dụng của Nghị định 66/HĐBT là các hoạt động kinh doanh buôn bán hàng hoá và kinh doanh dịch vụ sinh hoạt trên thị trường không phân biệt phương thức kinh doanh bán buôn, bán lẻ, đại lý... kinh doanh cố định hay lưu động và thời hạn kinh doanh.

2. Đối tượng kinh doanh thương mại và dịch vụ thuộc phạm vi áp dụng của Nghị định 66/HĐBT là cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn kinh doanh thấp hơn vốn pháp định quy định cho từng ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân tại mục 16, 17 và 18 bản danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 221/HĐBT ngày 23-7-1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

Cụ thể:

a) Cá nhân kinh doanh thương mại và dịch vụ là hoạt động kinh doanh do cá nhân làm chủ và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh buôn bán, kinh doanh dịch vụ của mình. Cá nhân kinh doanh phải là người trực tiếp hoạt động kinh doanh và là chủ thể trong mọi quan hệ kinh doanh.

b) Nhóm kinh doanh thương mại và dịch vụ là hai hoặc một số cá nhân tự nguyện hùn vốn, kỹ thuật, tay nghề để mở cửa hàng, cửa hiệu, cơ sở kinh doanh buôn bán hoặc kinh doanh dịch vụ, cùng tiến hành hoạt động kinh doanh, cùng chia lời, cùng chịu các rủi ro, cùng thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Nhà nước và khách hàng. Trong nhóm kinh doanh sở hữu về tài sản vẫn là sở hữu của từng cá nhân, có một người làm đại diện là chủ thể trong mọi quan hệ kinh doanh của nhóm.

c) Vốn kinh doanh của cá nhân và nhóm kinh doanh thương mại và dịch vụ bao gồm vốn cố định (cửa hàng, cửa hiệu, phương tiện...) và vốn lưu động dùng vào việc kinh doanh. Vốn kinh doanh do người kinh doanh tự khai và chịu trách nhiệm về việc khai vốn phù hợp với quy mô, mặt hàng, ngành nghề và hình thức, phương thức kinh doanh. Vốn kinh doanh phải được Ủy ban nhân dân phường, xã nơi người kinh doanh thường trú xác nhận. Cơ quan cấp giấy phép kinh doanh khi thấy cần thiết có sự thẩm tra vốn kinh doanh trước khi cấp giấy phép kinh doanh.

3. Các đối tượng kinh doanh thương mại và dịch vụ không thuộc phạm vi áp dụng theo điều 2 Nghị định 66/HĐBT:

a) Các hộ chuyên sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp có tính chất tự sản tự tiêu, không mở cửa hàng thường xuyên bán sản phẩm xuất ra, không mua sản phẩm để chế biến và bán sản phẩm chế biến, không có hoạt động buôn bán hàng hoá hoặc dịch vụ ngoài phạm vi sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp.

- b) Các hộ làm kinh tế gia đình trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ sản xuất, không mở cửa hàng thường xuyên để bán, bảo hành sản phẩm của gia đình làm ra hoặc buôn bán hàng hoá và làm dịch vụ khác trên thị trường.
- c) Người bán hàng rong, quà vặt và làm nghề dịch vụ có thu nhập thấp là những người buôn bán các mặt hàng, quà bánh lật vặt hoặc làm dịch vụ đơn giản, và có thu nhập chỉ ở mức đủ sống tối thiểu cho bản thân người đó, không có tích lũy để mở rộng kinh doanh.

II- ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

1. Cá nhân và nhóm kinh doanh phải đảm bảo các điều kiện sau đây mới được kinh doanh thương mại và dịch vụ trên thị trường theo Nghị định 66/ HĐBT:

- a) Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.
- b) Có vốn, phương tiện kinh doanh phù hợp với qui mô, ngành nghề, mặt hàng kinh doanh.
- c) Có cửa hàng, cửa hiệu hoặc địa điểm kinh doanh nhất định. Địa điểm, địa bàn kinh doanh phải phù hợp với các quy định của Nhà nước về quản lý an ninh quốc phòng, trật tự trị an, vệ sinh phòng dịch và môi trường.
- d) Khi kinh doanh các ngành, nghề, mặt hàng có điều kiện do Nhà nước quy định thì:
- Người kinh doanh ngành, nghề, mặt hàng đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật phải có bằng (hoặc giấy chứng nhận) do các Trường đào tạo chuyên ngành được phép mở cấp.
 - Các điều kiện về: sức khoẻ, vệ sinh môi trường phòng dịch, an ninh và trật tự an toàn xã hội, phải được các cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy chứng chỉ hành nghề.

Danh mục ngành, nghề, mặt hàng kinh doanh có điều kiện và những điều kiện để kinh doanh những mặt hàng, ngành nghề đó, ban hành kèm theo thông tư này (phụ lục 2).

2. Những người sau đây không được kinh doanh thương mại và dịch vụ theo Nghị định 66-HĐBT:

- a) Là công chức đang làm việc trong các cơ quan hành chính Nhà nước, sĩ quan tại ngũ thuộc các lực lượng vũ trang; những người đang giữ các chức vụ trong bộ máy chính quyền các cấp theo chế độ bầu cử; cán bộ quản lý đang làm việc ở các doanh nghiệp Nhà nước.
- b) Người mắc bệnh tâm thần, bệnh truyền nhiễm và người không đủ sức khoẻ.
- c) Người đang bị giam giữ, bị truy nã, bị truy tố, bị toà án tước quyền kinh doanh.
- d) Người kinh doanh bị xử phạt hành chính thu hồi giấy phép kinh doanh trong thời hạn hiệu lực của quyết định xử phạt.

III. VỀ VIỆC XIN PHÉP KINH DOANH VÀ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

1. Đối với người kinh doanh

- a) Phải xin phép Ủy ban nhân dân huyện, quận nơi kinh doanh để được xét cấp giấy phép kinh doanh. Chỉ sau khi đã được cấp giấy phép kinh doanh thì người kinh doanh mới được phép hoạt động kinh doanh.
- b) Người kinh doanh phải làm đơn xin phép kinh doanh (theo mẫu qui định của thông tư này) ghi đúng và đầy đủ các nội dung trong đơn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã nơi thường trú về các nội dung kê khai trong đơn. Nếu kinh doanh các ngành, nghề, mặt hàng có điều kiện nói ở điểm d1-II Thông tư này thì kèm theo đơn phải có chứng chỉ hành nghề hoặc bằng chuyên môn kỹ thuật của cơ quan có thẩm quyền cấp. Nếu là nhóm kinh doanh thì kèm theo đơn phải có bản thỏa thuận hợp lệ giữa các cá nhân tham gia kinh doanh.

c) Người kinh doanh trực tiếp gửi đơn xin phép kinh doanh tới Ủy ban nhân dân dân quận, huyện nơi kinh doanh (nếu kinh doanh cố định và thường xuyên) hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi thường trú (nếu kinh doanh buôn chuyển lưu động). Người kinh doanh có thể thông qua Ủy ban nhân dân phường, xã, ban quản lý chợ tiếp nhận đơn rồi chuyển lên Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp giấy phép kinh doanh.

d) Người kinh doanh được tự lựa chọn ngành, nghề, mặt hàng (trừ những ngành nghề, mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh - theo phụ lục 1) địa điểm, địa bàn, thời hạn kinh doanh phù hợp với các điều kiện khả năng của bản thân và các quy định của pháp luật về các lĩnh vực có liên quan. Mỗi người kinh doanh được mở một địa điểm kinh doanh buôn bán hoặc dịch vụ trên địa bàn quận, huyện của tỉnh, thành phố nơi có hộ khẩu thường trú. Nếu kinh doanh cố định tại nơi khác tỉnh, thành phố đăng ký hộ khẩu thường trú thì phải được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi kinh doanh chấp thuận. Đối với buôn chuyển liên tỉnh phải có giấy chứng nhận của Sở Thương mại và du lịch nơi người kinh doanh có hộ khẩu thường trú cấp, sau đó Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi có hộ khẩu thường trú cấp giấy phép kinh doanh.

đ) Kinh doanh đúng với nội dung được phép ghi trong giấy phép kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh nếu thay đổi nội dung kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh đều phải khai báo xin phép với cơ quan đã cấp giấy phép. Chỉ sau khi được cơ quan cho phép đồng ý mới được thay đổi, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động kinh doanh.

2. Đối với các cơ quan Nhà nước

a) Sở Thương mại và du lịch các tỉnh, thành phố có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện việc xét cấp giấy phép kinh doanh; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thương nghiệp quận, huyện quản lý hoạt động kinh doanh của những cá nhân và nhóm kinh doanh thương mại và dịch vụ thuộc phạm vi áp dụng của Nghị định 66-HĐBT. Cấp giấy chứng chỉ hành nghề cho người kinh doanh những ngành, nghề, mặt hàng kinh doanh có điều kiện theo thẩm quyền của Sở. Tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Thương mại và du lịch.

b) Ủy ban nhân dân quận, huyện là cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ đối với kinh doanh thuộc phạm vi áp dụng của Nghị định 66-HĐBT gồm:

- Những người kinh doanh cố định trên địa bàn quận, huyện quản lý.

- Những người kinh doanh lưu động liên huyện, liên tỉnh có hộ khẩu thường trú tại quận, huyện.

ở các xã vùng cao, hải đảo và các xã vùng sâu ở nông thôn đi lại khó khăn, xa cơ quan huyện thì Ủy ban nhân dân tỉnh có thể cho phép Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền cho Ủy ban nhân dân xã xét cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ đối với những người buôn bán hoặc làm dịch vụ cố định tại địa bàn xã mà họ có hộ khẩu thường trú tại đó. Những đối tượng sau đây thì Ủy ban nhân dân huyện không được ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường, xã cấp giấy phép kinh doanh:

- Những người kinh doanh lưu động (buôn chuyển)

- Những người buôn bán tiểu ngạch qua biên giới

- Người kinh doanh là cư dân biên giới của nước tiếp giáp đến kinh doanh

- Người kinh doanh có hộ khẩu ở huyện, tỉnh, thành phố khác. Khi cho phép kinh doanh, cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào những điều kiện đã quy định và quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới, ngành nghề, mặt hàng kinh doanh trên địa bàn để xem xét đơn xin phép của người kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

c) Bộ phận thương nghiệp thuộc Phòng Tài chính - thương nghiệp (hoặc phòng thương nghiệp) là cơ quan chuyên môn giúp việc cho Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc xét cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn, có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cho các cá nhân và nhóm kinh doanh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong việc làm các thủ tục xin phép kinh doanh.
- Hướng dẫn, giúp đỡ và kiểm tra các phường, xã được Ủy ban nhân dân huyện uỷ quyền cấp giấy phép kinh doanh.
- Tiếp nhận hồ sơ xin phép kinh doanh thương mại và dịch vụ của các cá nhân và nhóm kinh doanh.
- Xem xét, thẩm tra, kiến nghị Ủy ban nhân dân quận huyện về việc cấp giấy phép.
- Ghi đầy đủ các nội dung trong giấy phép kinh doanh và trình Ủy ban nhân dân ký cho phép.
- Vào sổ cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ.
- Thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh theo quy định.
- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh của người kinh doanh trên địa bàn.
- Phối hợp với cơ quan thuế địa phương để quản lý thu thuế.
- Tổng hợp tình hình cấp giấy phép kinh doanh để báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan thương mại và du lịch cấp trên.

d) Ủy ban nhân dân phường, xã có trách nhiệm:

- Xác nhận đơn kê khai xin phép cho người kinh doanh có hộ khẩu thường trú tại phường, xã về những nội dung có liên quan đến thẩm quyền của mình trong đơn.
- Giám sát hoạt động kinh doanh của người kinh doanh trong phạm vi phường, xã theo các nội dung được phép và trong việc thực hiện pháp luật có liên quan khi kinh doanh.

3 - Thời hạn hiệu lực của giấy phép

Thời hạn hiệu lực của giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ theo thời hạn của người xin kinh doanh đề nghị, không nhất thiết chỉ cho phép kinh doanh từng năm một. Nhưng chỉ cho phép thời hạn tối đa là 5 năm kể từ ngày ký giấy phép. Khi cho phép về thời hạn kinh doanh cần xem xét thời hạn có phù hợp với chứng chỉ hành nghề và các điều kiện kinh doanh cụ thể của người kinh doanh không (địa điểm, hợp đồng kinh tế) và về quản lý quy hoạch cụ thể của địa phương.

Hàng năm tổ chức kiểm tra giấy phép kinh doanh theo định kỳ.

4 - Mỗi cá nhân và nhóm kinh doanh được cấp một giấy phép kinh doanh. Giấy phép kinh doanh ghi rõ địa điểm kinh doanh cố định hoặc địa bàn kinh doanh (luồng, tuyến) lưu động, ghi đúng danh mục ngành, nghề, nhóm hàng ban hành kèm theo Thông tư này (phụ lục 3).

5 - Các ấn chỉ dùng trong việc cấp phép kinh doanh thương mại và dịch vụ theo Nghị định 66-HĐBT theo mẫu thống nhất cả nước. Giấy phép kinh doanh theo mẫu của Bộ Tư pháp quy định và phát hành. Các ấn chỉ khác: Đơn xin phép kinh doanh thương mại và dịch vụ, bản thỏa thuận của nhóm kinh doanh, biên nhận hồ sơ xin phép kinh doanh, thông báo của Ủy ban nhân dân quận, huyện về việc không cấp giấy phép kinh doanh, giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện về việc cho phép tạm ngừng hoặc ngừng kinh doanh, mẫu giấy chứng chỉ hành nghề, sổ cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ, bảng tổng hợp tình hình cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ theo mẫu của Bộ Thương mại và du lịch quy định kèm theo Thông tư này.

Các tỉnh, thành phố tổ chức việc in và phát hành ấn chỉ theo đúng quy định (trừ giấy phép) để phục vụ công tác xét cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ theo Nghị định 66-HĐBT ở địa phương. Địa phương nào không tự in ấn được thì có văn bản báo cáo về Bộ để in ấn giúp.

6 - Việc thu lệ phí xét cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Nếu chưa có hướng dẫn chung của Bộ Tài Chính thì Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ vào tình hình của địa phương để quy

định tạm thời mức thu lệ phí xét cấp giấy phép kinh doanh cho phù hợp, đảm bảo được các chi phí cần thiết cho việc tổ chức xét cấp giấy phép kinh doanh.

IV. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÉT CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

Căn cứ Nghị định 66-HĐBT và hướng dẫn trong Thông tư này, Sở Thương mại và du lịch có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc triển khai tổ chức thực hiện công tác xét cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ trên địa bàn, phối hợp với các ngành có liên quan ở địa phương để tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân biết và thực hiện.

Việc triển khai Nghị định 66-HĐBT về kinh doanh thương mại và dịch vụ theo hướng sau đây:

1 - Tổ chức việc kê khai và xét cấp giấy phép kinh doanh thương mại và dịch vụ đối với tất cả những người kinh doanh trên địa bàn địa phương. Trước hết tập trung chỉ đạo việc xét cấp giấy phép đối với những người mới ra kinh doanh, những người có sự thay đổi nội dung kinh doanh và những người kinh doanh có giấy phép trước đó đã hết thời hạn. Đối với những người hiện đang kinh doanh theo giấy phép kinh doanh mới cấp năm 1992, thì trong khi chờ làm thủ tục xin phép và cấp giấy phép theo Nghị định 66- HĐBT, tạm thời người kinh doanh vẫn được phép kinh doanh theo giấy phép cũ cho đến khi được cấp giấy phép mới và thu hồi giấy phép cũ.

2. Người kinh doanh có vốn bằng vốn pháp định lập doanh nghiệp tư nhân thì hướng dẫn họ làm thủ tục xin phép lập doanh nghiệp tư nhân theo Luật Doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty theo Luật Công ty, không cấp giấy phép kinh doanh theo Nghị định 66-HĐBT.

3 - Người kinh doanh đang kinh doanh theo giấy phép mới cấp đầu năm 1992, nhưng không đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo Nghị định 66- HĐBT và hướng dẫn trong Thông tư này thì Ủy ban nhân dân quận, huyện thu hồi ngay giấy phép đó và yêu cầu người kinh doanh phải tổ chức, chấn chỉnh lại, đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh, làm thủ tục xin phép kinh doanh theo Nghị định 66-HĐBT rồi mới tiếp tục cấp giấy phép cho người đó được kinh doanh.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế các văn bản của Bộ Thương mại và du lịch đã ban hành trước đây về việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký kinh doanh thương mại và dịch vụ. Trong quá trình thực hiện Nghị định 66-HĐBT, yêu cầu Ủy ban nhân dân nhân dân và Sở Thương mại và du lịch các tỉnh, thành phố phản ánh và báo cáo kết quả tình hình thực hiện với Bộ Thương mại và du lịch.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ, MẬT

HÀNG CẤM KINH DOANH Ở THỊ

TRƯỜNG NỘI ĐỊA

1 - Vũ khí, đạn dược, quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (danh mục cụ thể do Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ công bố) quy định tại điều 95 Bộ Luật hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyết định 193-HĐBT ngày 23 tháng 12 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

2 - Các loại ma túy, theo điều 166 Bộ Luật hình sự và quyết định 193-HĐBT.

3 - Chất nổ, pháo do nước ngoài sản xuất, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ, theo điều 96 Bộ Luật hình sự và Chỉ thị 374-CT ngày 26 tháng 10 năm 1990.

4 - Hiện vật thuộc di tích văn hoá, lịch sử và các vật phẩm văn hoá phản động, đồi trụy (danh mục cụ thể do Bộ văn hoá - thông tin - thể thao công bố). Theo điều 99 Bộ Luật hình sự và Quyết định 193-HĐBT.

5 - Thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất quy định tại Chỉ thị 278-CT.